

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2019.
v/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thông Văn Đá.
2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1958 (có mặt).
 2. *Bị đơn:* Ông Đào Thanh P, sinh năm 1950 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 27/11/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:* Bà và ông Đào Thanh P cưới nhau vào năm 1978, không có đăng ký kết hôn. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống với nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống, ông P

tính tình ích kỷ, gia trưởng, thường xuyên đánh đập vợ con, không chăm lo cho gia đình. Bà B vì nghĩ đến con cái nên đã cố chịu đựng, khuyên ngăn ông P nhưng ông P vẫn chứng nào tật nấy, không hề thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm gần 01 năm nay. Trong thời gian không sống chung vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Đào Thanh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên Đào Thanh B, sinh ngày 25/5/1979; Đào Thị Anh Đ, sinh ngày 11/4/1981; Đào Thiên P, sinh ngày 28/10/1983; Đào Thị Hồng P, sinh ngày 28/02/1987; Đào Thị Hoa T, sinh ngày 17/6/1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, do ông Đào Thanh P vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà ông Đào Thanh P để tổng đạt các văn bản tố tụng, ông P cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với ông P theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đào Thanh P. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Xét bị đơn ông Đào Thanh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Đào Thanh P.

[3]. *Về nội dung*:

+ *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị B và ông Đào Thanh P chung sống như vợ chồng với nhau vào 1978, không có đăng ký kết hôn. Nhưng theo quy định của pháp luật tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy Hôn nhân của vợ chồng bà B tuy là không đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1978, nên được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà B , Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này bà B khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp quan điểm sống, ông P tính tình ích kỷ, gia trưởng, thường xuyên đánh đập vợ con, không chăm lo cho gia đình. Bà B vì nghĩ đến con cái nên đã cố chịu đựng, khuyên ngăn ông P nhưng ông P vẫn cứng đầu bất chấp, không hề thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm gần 01 năm nay. Trong thời gian không sống chung vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn của bà B và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc ông P không có ý kiến khi bà B xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, ông P không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà B , mâu thuẫn vợ chồng của ông, bà không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B .

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 05 con chung tên Đào Thanh B, sinh ngày 25/5/1979; Đào Thị Anh Đ , sinh ngày 11/4/1981; Đào Thiên P , sinh ngày 28/10/1983; Đào Thị Hồng P , sinh ngày 28/02/1987; Đào Thị Hoa T , sinh ngày

17/6/1992. Hiện nay con đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Ngày 25/3/2019 bà Trần Thị B có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị B được miễn nộp tiền phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà B theo quy định của pháp luật.

Ông Đào Thanh P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Đào Thanh P.

2. Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên Đào Thanh B, sinh ngày 25/5/1979; Đào Thị Anh Đ , sinh ngày 11/4/1981; Đào Thiên P , sinh ngày 28/10/1983; Đào Thị Hồng P , sinh ngày 28/02/1987; Đào Thị Hoa T , sinh ngày 17/6/1992 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có cuộc sống ổn định, bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị B được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023336 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Đào Thanh P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của bà Trần Thị B là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2019).

Riêng ông Đào Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Tâm